

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LA  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 17-8-2022  
V/v: Ly hôn giữa chị C và anh  
C.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 - Bà Nguyễn Thị Hương.

2 - Ông Lò Văn Khết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị CTC, sinh 2000, trú tại: Bản T, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh TVC, sinh 1995, trú tại: Bản T, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CTC trình bày:

Chị và anh TVC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 14/9/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Chị CTC xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVC.

Về con chung: Có một con là TVS, sinh ngày 18/5/2017. Chị xác định hiện nay cháu đang ở với bố, chị nhất trí để anh TVC Nuôi con. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVC từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị CTC và anh TVC. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị CTC, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống.

Về con chung: Có một con là TVS, sinh ngày 18/5/2017. Hiện nay cháu đang ở với bố và để cho bố nuôi. Không yêu cầu chị CTC phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, , các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị CTC được ly hôn anh TVC.

Về con chung: Giao cho anh TVC trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVS, sinh ngày 18/5/2017. Chị CTC không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị CTC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh TVC sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh TVC đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh TVC.

Nguyên đơn chị CTC có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CTC và anh TVC có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian đầu. Sau phát sinh mâu thuẫn vợ chồng được xác định nguyên nhân do hai người không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương và gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ đầu năm 2021, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CTC và anh TVC đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải. Đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị CTC yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CTC được ly hôn anh TVC.

[3] Về con chung: Có một con là TVS, sinh ngày 18/5/2017. Chị CTC xác định hiện nay cháu đang ở với bố, chị nhất trí để anh TVC nuôi con. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Là có căn cứ chấp nhận theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị CTC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị CTC được ly hôn anh TVC.

2. Giao cho anh TVC trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVS, sinh ngày 18/5/2017. Chị CTC không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị CTC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0001918 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị CTC. Anh TVC được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã PT, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**NGUYỄN MINH TUÂN**